TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2018/LĐ-PT
Ngày: 22 - 8 - 2018
V/v đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Yên

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2018/TLPT-LĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 về việc *"Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"*.

Do bản án lao động sơ thẩm số 22/2018/LĐ-ST ngày 14/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐ - PT ngày 01 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: số 50, đường N, khóm 3, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Hoàng P – Văn phòng Luật sư Trần Hoàng P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần C

Địa chỉ: số 204, đường Q, khóm 3, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Ngô Hoàng V, sinh năm: 1972, là nhân viên phòng Tổ chức hành chính thuộc Công ty Cổ phần C. Địa chỉ: số 45/5B, đường L, khóm 4, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Theo Giấy ủy quyền số 66/GUQ-CNCM ngày 08 tháng 8 năm 2018 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng H trình bày:

Vào ngày 24/01/2005, giữa anh và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C nay là Công ty cổ phần C (gọi tắt là Công ty) đã ký hợp lao động, thời hạn 01 năm, từ ngày 24/01/2005 đến ngày 24/01/2006, công việc của anh H là nhân viên ghi thu thuộc phòng "Giao dịch khách hàng", có mức tiền lương với hệ số 1,18 và tiền thưởng, tiền nghỉ phép thì mỗi tháng của anh thực lãnh là 4.505.240 đồng. Hết thời hạn hợp đồng hai bên không ký hợp đồng mới mà hợp đồng đương nhiên được gia hạn theo Điều 5 của hợp đồng lao động. Đến ngày 17/5/2016, Công ty có thông báo cho anh nghỉ việc. Đến ngày 27/7/2016, Công ty ban hành Quyết định số 149/QĐ-CTN về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh H với lý do Công ty không bố trí được việc làm sau khi tái cơ cấu, tổ chức lại bộ máy. Ngày 24/8/2016 Công ty triển khai và có giao Quyết định 149 cho anh nhưng anh từ chối nhận, lý do là anh có khiếu nại Quyết định cho nghỉ việc đối với anh. Theo anh Công ty chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh là trái với quy định của pháp luật và vi phạm theo các quy định như sau:

Vi phạm khoản 3 Điều 44, Điều 46 của Bộ luật Lao động năm 2012: Khi ra quyết định cho anh thôi việc, Công ty không trao đổi trước với tổ chức đại diện tập thể lao động cơ sở và không thông báo trước 30 ngày cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động của cấp tỉnh.

Do Công ty đã chấm dứt hợp đồng lao động với anh là trái với quy định của pháp luật nên yêu cầu Toà án giải quyết cụ thể (theo đơn khởi kiện) như sau:

Về việc làm: Hủy quyết định số 149/QĐ-CN ngày 27/7/2016 của Công ty Cổ phần C và nhận anh Nguyễn Hoàng H trở lại làm việc.

Về vật chất:

1/ Yêu cầu Công ty trả lương từ ngày 27/7/2016 đến ngày 27/8/2017 là 13 tháng, mỗi tháng là 3.917.600 đồng x 13 tháng = 50.928.800 đồng;

2/ Tiền lương 02 tháng theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Lao động là 3.917.600 đồng x 02 tháng = 7.835.200 đồng;

3/ Tiền ăn giữa ca là 680.000đồng/tháng x 15 tháng = 10.200.000 đồng;

4/ Tiền thưởng: 50.928.800 đồng quỹ lương x 10% = 5.092.880 đồng;

5/ Tiền thưởng: lễ 30/4 – 01/5 và nghỉ Tết = 4.000.000 đồng;

6/ Tiền lương 15 ngày nghỉ phép năm. Lương cơ bản (3.917.600 đồng : 20 ngày làm việc = 195.880đ) x 15 ngày nghỉ phép năm = 2.938.200 đồng;

7/ Tiền tổn thất tinh thần. Lương tối thiểu vùng 3.320.000 đồng x 10 tháng = 33.200.000 đồng;

8/ Tiền chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là 10.000.000 đồng;

9/ Chi phí khác (mướn in ấn, chi phí đi lại yêu cầu,khiếu nại…) là 2.000.000 đồng;

Tổng cộng tiền lương, tiền thưởng và các khoản khác phải trả và đề nghị là: 126.195.080 đồng (*một trăm hai mươi sáu triệu, một trăm chín mươi lăm ngàn, không trăm tám mươi đồng*).

10/ Tiếp tục trả lương và các chế độ khác kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến ngày Công ty nhận anh trở lại làm việc.

Đến nay anh chưa nhận số tiền hưởng trợ cấp mất việc làm là 14.081.000 đồng theo Quyết định số 149/QĐ-CTN ngày 27/7/2016 anh xác định chưa nhận, hiện sổ bảo hiểm của anh Công ty vẫn đang quản lý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H xin rút lại 01 phần yêu cầu theo đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án đình chỉ; anh H xác định chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề cụ thể như:

Về việc làm: Yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 149/QĐ-CN ngày 27/7/2016 về việc chấp dứt hợp đồng lao động và Công ty Cổ phần C nhận anh Nguyễn Hoàng H trở lại làm việc.

Về vật chất: Yêu cầu Công ty trả lương cho anh H từ ngày 28/7/2016 đến ngày 13/6/2018 (ngày xét xử), được tính theo mức lương cơ bản 1,18 nhân với mức lương vùng được áp dụng theo quy định cụ thể từng năm (năm 2016 là 3.100.000 đồng; năm 2017 là 3.320.000 đồng; năm 2018 là 3.530.000 đồng).

Cụ thể được tính: Từ ngày 28/7/2016 đến 31/12/2016 là 5 tháng 4 ngày x (1,18 x 3.100.000đ) = 18.290.000đ + 665.000đ (3.658.000đ: 22 ngày/tháng x 4 ngày) = 18.955.000đ; từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2017 là 12 tháng x 1,18 x 3.320.000đ = 47.011.200đ; từ ngày 01/01/2018 đến 13/6/2018 là 5 tháng 13 ngày x 1,18 x 3.530.000đ = 23.288.400đ. Như vậy số tiền trong thời gian anh H không làm việc từ ngày 28/7/2016 đến ngày 13/06/2018 là: 89.254.600đ.

Yêu cầu Công ty nộp các khoản bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN…) theo quy định.

Buộc Công ty phải bồi thường cho anh H 02 tháng tiền lương theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Lao động (hệ số lương nhân với mức lương vùng được áp dụng tại thời điểm xét xử) là 3.530.000đ x 1,18 x 02 tháng = 8.330.800đ.

Tổng số tiền anh H yêu cầu Công ty phải trả cho anh là 97.585.400đ.

Đại diện hợp pháp của bị đơn là anh Ngô Hoàng V trình bày:

Việc Công ty đã ký hợp lao động và quá trình làm việc đúng như anh H trình bày. Đến năm 2015 Công ty tiến hành tái cơ cấu tổ chức bộ máy và bố trí lại lao động cho hợp lý, gọn nhẹ và hiệu quả hơn. Sau khi Công ty thực hiện xong cổ phần hoá, đi vào hoạt động, về cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty chưa phù hợp, hiệu quả kinh doanh không cao nên Công ty tiến hành tái cơ cấu tổ chức bộ máy.

Ngày 27/7/2016, Giám đốc Công ty ra quyết định số 149/QĐ-CTN về việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với anh Nguyễn Hoàng H. Việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với anh H là đúng theo quy định của pháp luật và quyền lợi

của anh H đã được Công ty giải quyết đúng theo chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước. Do đó, Công ty không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh H.

Tại bản án sơ thẩm về lao động số 22/2018/LĐ-ST ngày 14/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

Áp dụng các Điều 22, 31, 36, 38, 42, 44, 46, 47, 49, 192 và Điều 208 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ vào các Điều 32, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng H đối với Công ty Cổ phần C:

- Hủy Quyết định số 149/QĐ-CTN ngày 27/7/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh Nguyễn Hoàng H và buộc Công ty Cổ phần C nhận anh H trở lại làm việc.

- Buộc Công ty Cổ phần C thanh toán cho anh Nguyễn Hoàng H số tiền lương trong thời gian không làm việc tại Công ty tính từ ngày 28/7/2016 đến ngày 13/06/2018 là: 88.282.093 đồng.

- Buộc Công ty bồi thường cho anh H 02 tháng tiền lương theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Lao động (hệ số lương nhân với mức lương vùng được áp dụng tại thời điểm xét xử) là 3.530.000đ x 1,18 x 02 tháng = 8.330.800 đồng.

Tổng cộng: 96.612.893 đồng (Chín mươi sáu triệu, sáu trăm mười hai nghìn tám trăm chín mươi ba đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng H đối với Công ty Cổ phần C, cụ thể như sau:

- Tiền ăn giữa ca là 680.000 đồng/tháng x 15 tháng = 10.200.000 đồng;

- Tiền thưởng: 50.928.800 đồng quỹ lương x 10% = 5.092.880 đồng;

- Tiền thưởng: lễ 30/4 – 01/5 và nghỉ Tết = 4.000.000 đồng;

- Tiền lương 15 ngày nghỉ phép năm. Lương cơ bản (3.917.600 đồng: 20 ngày làm việc = 195.880 đồng) x 15 ngày nghỉ phép năm = 2.938.200 đồng;

- Tiền tổn thất tinh thần. Lương tối thiểu vùng 3.320.000đ x 10 tháng = 33.200.000 đồng;

- Tiền chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là 10.000.000 đồng;

- Chi phí khác (mướn in ấn, chi phí đi lại yêu cầu, khiếu nại…) là 2.000.000 đồng;

Buộc Công ty Cổ phần C phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho anh H từ tháng 8/2016 đến khi xét xử sơ thẩm. Anh H có nghĩa vụ phối hợp với Công ty để đóng các khoản bảo hiểm của người lao động theo quy định của pháp luật.

Công ty Cổ phần C có nghĩa vụ thanh toán tiền lương và đóng các chế độ bảo hiểm phát sinh cho anh Nguyễn Hoàng H kể từ ngày xét xử cho đến khi án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật và đến khi anh H được nhận trở lại làm việc (nếu có phát sinh).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/6/2018 Công ty Cổ phần C có đơn kháng cáo với nội dung không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng H.

Tranh luận của phía Công ty: Công ty không vi phạm khoản 2 Điều 31 và khoản 2 Điều 48 Bộ luật Lao động vì trường hợp này không cần phải báo trước, không vi phạm Luật Doanh nghiệp. Việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với anh H đã thực hiện đúng trình tự không vi phạm Điều 44 và 46 Bộ luật Lao động, cụ thể là có sự tham gia của Ban chấp hành Công đoàn thể hiện bằng việc ký tên và đóng dấu của Chủ tịch Công đoàn là bà Hà Xuân Thắm.

Tranh luận của phía anh H: Công ty cho rằng có ký tên của bà Thắm là đúng trình tự là chưa có cơ sở vì khi Công ty tổ chức họp đại diện các phòng ban không có sự tham gia của bà Thắm, khi họp xong vào lúc 16 giờ chiều ngày 16/5/2016, sau đó mới đưa danh sách cho bà Thắm ký tên để hợp thức hóa nên việc ký tên của bà Thắm là chưa đảm bảo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C, không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần C, lý do Công ty chấm dứt hợp đồng với anh H không có trao đổi với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở là vi phạm Điều 44, 46 Bộ luật Lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa Công ty tranh luận Công ty không vi phạm khoản 3 Điều 44 của Bộ luật Lao động vì khi thực hiện phương án tái cơ cấu, xây dựng phương án sử dụng lao động đều có Ban chấp hành Công đoàn tham gia và ký tên, đóng dấu của tổ chức công đoàn, việc ký tên đóng dấu là thực hiện theo mẫu, còn việc trao đổi thống nhất cho người lao động nghỉ việc đã trao đổi vào ngày 09/5/2016 với tổ chức công đoàn.

Xét khi chấm dứt hợp đồng lao động với anh H, Công ty thực hiện cụ thể các bước như sau:

Ngày 09/5/2016 Công ty đã phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn để trao đổi phương án tái cơ cấu tổ chức bộ máy và bố trí lại lao động, cùng ngày Giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị (viết tắt là HĐQT) thông qua phương án này. Ngày 12/5/2016, HĐQT ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT thông qua phương án tái cơ cấu. Tại trang 17 của Nghị quyết 05/NQ-HĐQT có nội dung: "*Bước 2: Xây dựng phương án sử dụng lao động. Khi xây dựng phương án sử dụng lao động phải có sự tham gia của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty".*

[2] Như vậy, chính Công ty đã ban hành Nghị quyết số 05 quy định rõ *"Khi xây dựng phương án sử dụng lao động phải có sự tham gia của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty".* Công ty là người sử dụng lao động, trước khi chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động trong trường hợp tái cơ cấu tổ chức thì Công ty phải tuân thủ theo quy định tại Điều 44 và Điều 46 Bộ luật Lao động. Công ty cho rằng chỉ cần có ký tên và đóng dấu của đại diện Ban chấp hành Công đoàn là đủ điều kiện vì chức năng, nhiệm vụ này là của Công đoàn cơ sở. Điều này cho thấy Công ty nhận thức việc ký tên đã đảm bảo thủ tục là chưa tuân thủ theo quy định tại Nghị quyết số 05 do Công ty ban hành cũng như theo quy định tại Điều 44 và 46 Bộ luật Lao động. Luật quy định trao đổi với Ban chấp hành Công đoàn với mục đích là để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, Công đoàn phải biết và trao đổi cụ thể phương án sử dụng lao động được xây dựng cụ thể như thế nào, trường hợp nào chấm dứt hợp đồng lao động, quyền lợi cụ thể của người lao động ra sao... Thực tế ngày 09/5/2016 Công ty chỉ mới trao đổi với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở về "*Phương án tái cơ cấu tổ chức bộ máy và bố trí lao động"*. Đây không phải là phương án sử dụng lao động, theo quy định tại Điều 44 và 46 Bộ luật Lao động, đến thủ tục quan trọng là xây dựng phương án sử dụng lao động lại không có tài liệu nào thể hiện trao đổi với Ban chấp hành Công đoàn. Trách nhiệm của Công ty trước khi chấm dứt hợp đồng lao động là phải tự Công ty kiểm tra các bước trước khi chấm dứt hợp đồng lao động. Trình tự này Công ty phải tuân thủ nhưng Công ty không thực hiện, do đó không có căn cứ chấp nhận ý kiến tranh luận của phía Công ty.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Công ty, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Như phân tích trên đề nghị này là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 22/2018/LĐ-ST ngày 14/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C.

Áp dụng các Điều 22, 31, 36, 38, 42, 44, 46, 47, 49, 192 và Điều 208 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ vào các Điều 32, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng H đối với Công ty Cổ phần C:

- Hủy Quyết định số 149/QĐ-CTN ngày 27/7/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh Nguyễn Hoàng H và buộc Công ty Cổ phần C nhận anh H trở lại làm việc.

- Buộc Công ty Cổ phần C thanh toán cho anh Nguyễn Hoàng H số tiền lương trong thời gian không làm việc tại Công ty tính từ ngày 28/7/2016 đến ngày 13/06/2018 là: 88.282.093 đồng.

- Buộc Công ty bồi thường cho anh H 02 tháng tiền lương theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Lao động (hệ số lương nhân với mức lương vùng được áp dụng tại thời điểm xét xử) là 3.530.000 đồng x 1,18 x 02 tháng = 8.330.800 đồng.

Tổng cộng: 96.612.893 đồng (Chín mươi sáu triệu, sáu trăm mười hai nghìn tám trăm chín mươi ba đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng H đối với Công ty cổ phần C, cụ thể như sau:

- Tiền ăn giữa ca là 680.000 đồng/tháng x 15 tháng = 10.200.000 đồng;

- Tiền thưởng: 50.928.800 đồng quỹ lương x 10% = 5.092.880 đồng;

- Tiền thưởng: lễ 30/4 – 01/5 và nghỉ Tết = 4.000.000 đồng;

- Tiền lương 15 ngày nghỉ phép năm. Lương cơ bản (3.917.600 đồng: 20 ngày làm việc = 195.880 đồng) x 15 ngày nghỉ phép năm = 2.938.200 đồng;

- Tiền tổn thất tinh thần. Lương tối thiểu vùng 3.320.000 đồng x 10 tháng = 33.200.000 đồng;

- Tiền chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là 10.000.000 đồng;

- Chi phí khác (mướn in ấn, chi phí đi lại yêu cầu, khiếu nại…) là 2.000.000 đồng;

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải thanh toán xong các khoản tiền nêu trên, trường hợp người phải thi hành án chậm thanh toán thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh đối số tiền còn phải thi hành, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự và Luật thi hành án.

Buộc Công ty Cổ phần C phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho anh H từ tháng 8/2016 đến khi xét xử sơ thẩm. Anh H có nghĩa vụ phối hợp với Công ty để đóng các khoản bảo hiểm của người lao động theo quy định của pháp luật.

Công ty Cổ phần C có nghĩa vụ thanh toán tiền lương và đóng các chế độ bảo hiểm phát sinh cho anh Nguyễn Hoàng H kể từ ngày xét xử cho đến khi án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật và đến khi anh H được nhận trở lại làm việc (nếu có phát sinh).

3. Án phí sơ thẩm, phúc thẩm về lao động:

Anh H không phải nộp, đã được miễn dự nộp nên không đặt ra việc hoàn lại.

Công ty Cổ phần C phải chịu án phí sơ thẩm là 2.898.000 đồng (chưa nộp). Án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, ngày 03/7/2018 Công ty đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001001 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được chuyển thu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hoàng Thị Hải Hà